TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST Ngày: 13-02-2020 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lạc Thị U,** sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Tấn T,** thuộc Văn phòng luật sư Phạm Văn C – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Đinh Văn T,** sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lạc Thị U trình bày:* Chị và anh Đinh Văn T quen biết rồi nảy sinh tình cảm, về chung sống với nhau từ năm 2013, không có đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, chị không sống được với anh T nữa nên về nhà cha mẹ ruột chị ở Cà Mau để sinh sống. Từ đó, anh T gọi điện thoại chửi mắng, làm phiền chị nên chị không chịu

nổi áp lực từ phía anh T. Vì vậy, nay chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Gia N, sinh ngày 17-11-2015 và cháu Đinh Gia L, sinh ngày 27-10-2013. Hiện các con đang sống với anh T nên chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng theo khả năng của mình, trường hợp anh T không nuôi dưỡng thì chị sẽ trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị U khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. *Bị đơn, anh Đinh Văn T trình bày:* Anh và chị Lạc Thị U chung sống vợ chồng từ năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Năm 2018, chị U và anh có bàn bạc để chị U đi học nghề làm đẹp tại trường dạy nghề MĐ, thành phố Cần Thơ. Sau khi học xong, chị U đã mở tiệm Spa tại xã N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống vợ chồng, do không cùng quan điểm sống nên anh và chị U không hạnh phúc, anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị U không có thiện chí nên anh đồng ý ly hôn với chị U.

Về con chung: Anh T thống nhất có 02 con chung như chị U trình bày, anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị U cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T thống nhất không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có phát sinh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Nguyễn Tấn T không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lạc Thị U và anh Đinh Văn T tranh chấp về ly hôn; anh T có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị U và luật sư.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo chị Lạc Thị U và anh Đinh Văn T thì hai người bắt đầu chung sống vợ chồng với nhau từ khoảng năm 2012-2013, không có đăng ký kết hôn. Cho đến ngày 01-8-2019 thì chị Lạc Thị U chưa đăng ký kết hôn với ai, được Ủy ban

nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau xác nhận. Phía anh T cũng được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận đến ngày 01-01-2020 chưa đăng ký kết hôn với ai. Trường hợp chung sống như vợ chồng giữa chị U, anh T không thuộc trường hợp hôn nhân thực tế theo quy định. Do đó, hôn nhân giữa chị U, anh T chưa được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chị U yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị U và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Gia N, sinh ngày 17-11-2015 và cháu Đinh Gia L, sinh ngày 27-10-2013 hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho anh T là người trực tiếp nuôi con, chị U không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận giữa chị U, anh T là tự nguyện, không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị U và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Lạc Thị U là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lạc Thị U và anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Lạc Thị U và anh Đinh Văn T. Giao 02 cháu Đinh Gia N, sinh ngày 17-11-2015 và Đinh Gia L, sinh ngày 27-10-2013 cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chị U không phải cấp dưỡng do anh T chưa yêu cầu. Chị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lạc Thị U phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17320 ngày 05-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như chị U đã thi hành xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực